**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

1. Tên sáng kiến: “**Một số biện pháp dạy phép so sánh trong phân môn Luyện từ và câu lớp 3”**

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:Áp dụng cho tất cả giáo viên lớp 3 trong nhà trường khi dạy phân môn Luyện từ và câu.

3. Tác giả: Nguyễn Thúy Lan Nam (nữ): Nữ

Ngày/tháng/năm sinh: 31/08/1976

Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm - Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Ngọc Châu

Điện thoại: 0912928588

4. Đồng tác giả:Không có

5. Chủ đầu tư: Trường Tiểu học Ngọc Châu - TP Hải Dương

Địa chỉ: Số 3 Trần Thánh Tông - Phường Ngọc Châu

Điện thoại: 03203 858 951

6. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu:Trường Tiểu học Ngọc Châu - TP Hải Dương

7. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

- Ban giám hiệu thường xuyên theo dõi, dự giờ, nhận xét, đánh giá và góp ý đối với giáo viên.

- Giáo viên phải tâm huyết với nghề, luôn tìm tòi, học hỏi, trao đổi kiến thức, khám phá từng bài dạy. Đồng thời với mỗi tiết học, GV phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.

- Trang thiết bị phải đầy đủ phục vụ cho việc dạy và học đạt hiệu quả cao nhất.

8. Thời gian áp dụng: Năm học 2018- 2019

|  |  |
| --- | --- |
| **TÁC GIẢ** | **XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ**  **ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT**

**TÓM TẮT NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA SÁNG KIẾN**

**Tên sáng kiến:** “**Một số biện pháp dạy phép so sánh trong phân môn Luyện từ và câu lớp 3”**

**Chuyên môn đào tạo:** Đại học sư phạm

**Nhiệm vụ được phân công:** Phụ trách chuyên môn tổ 1 và tổ 2+3; phụ trách công tác bồi dưỡng; Hoạt động ngoài giờ lên lớp.

1. **Thời gian, đối tượng, điều kiện:**

* **Bắt đầu triển khai nghiên cứu:** tháng 8/2018
* **Khảo sát đầu vào:** tháng 10/2018. **Khảo sát đầu ra** : tháng 12/2018

+ Đối tượng khảo sát: Học sinh lớp 3A- Sĩ số 27 học sinh

+ Nội dung khảo sát: Tìm những sự vật được so sánh trong câu và biết đặt câu có hình ảnh so sánh.

* **Đơn vị, thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu:** Trường Tiểu học Ngọc Châu-Thời gian áp dụng: Năm học 2018 - 2019
* **Đối tượng áp dụng:** Giáo viên lớp 3

**Điều kiện cần thiết để áp dụng:** Giáo viên phải tâm huyết với nghề, không ngừng học hỏi, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh.

1. **Lí do nghiên cứu:** Việc nắm vững những kiến thức về phép so sánh tu từ có ý nghĩa rất quan trọng, tạo cơ sở vững chắc cho việc phát triển kĩ năng nói và viết cho học sinh, làm giàu và góp phần giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt. Giúp học sinh phát triển kĩ năng đọc hiểu, kĩ năng cảm thụ văn học, cảm thụ vẻ đẹp của văn chương và làm tốt các bài tập làm văn cũng như áp dụng vào thực tế hàng ngày khi nói và viết.
2. **Các tồn tại trước khi có sáng kiến và nguyên nhân:**

Giáo viên còn lúng túng trong việc xác định phương pháp dạy học do đặc trưng của phân môn Luyện từ và câu nói chung và phần dạy các phép tu từ nói riêng không có phần bài học. Một số giáo viên chưa tích cực sử dụng đồ dùng dạy học, các hình thức dạy học còn đơn điệu, chưa gây hứng thú học tập cho học sinh. Học sinh còn nhầm lẫn giữa so sánh logic và so sánh tu từ, tìm sai từ so sánh, nhận diện sai các yếu tố so sánh, tạo hình ảnh so sánh chưa hợp lí, chưa cảm nhận được giá trị của phép so sánh.

1. **Các biện pháp:**

Biện pháp 1: Hướng dẫn học sinh nhận biết về so sánh

Biện pháp 2: Hướng dẫn học sinh nắm được các kiểu so sánh

Biện pháp 3: Hướng dẫn học sinh nhận diện cách so sánh

Biện pháp 4: Hướng dẫn học sinh nhận biết tác dụng của so sánh

Biện pháp 5: Hướng dẫn học sinh vận dụng thực hành

1. **Hiệu quả mang lại:**

***Kết quả khảo sát đầu năm:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| 3A | 27 | 8 | 29,6 | 14 | 51,9 | 5 | 18,5 |

***Khảo sát sau khi tiến hành dạy thực nghiệm:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| 3A | 27 | 15 | 55,5 | 12 | 44,5 | 0 | 0 |

Sau thời gian triển khai và áp dụng vào thực tế giảng dạy, qua khảo sát, dự giờ thăm lớp, tôi thấy chất lượng học tập của các em đã tiến bộ rõ rệt. Các em hứng thú say mê học tập, yêu thích môn học, phát huy được khả năng tư duy, trí tưởng tượng phong phú và biết vận dụng vào luyện tập, thực hành đạt hiệu quả.

1. **Khuyến nghị:**

Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề về phương pháp dạy học cho giáo viên. Thường xuyên quan tâm đến chất lượng dạy học của giáo viên. Cần khơi dậy hứng thú học tập, lòng say mê học hỏi của học sinh, biết trân trọng và phát huy tính sáng tạo của các em. Tăng cường trang bị cơ sở vật chất để tạo điều kiện, nâng cao hiệu quả của việc dạy và học. Giáo viên cần đổi mới nhận thức và tích cực vận dụng phối hợp linh hoạt các phương pháp phù hợp với mọi đối tượng học sinh trong việc tổ chức các hoạt động dạy học.

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

1. **Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

Trong phân môn Luyện từ và câu ở Tiểu học nói chung và ở lớp 3 nói riêng, rất chú trọng đến việc dạy các biện pháp tu từ. Tuy nhiên, biện pháp tu từ so sánh và một trong những nội dung khó học nhất đối với học sinh lớp 3. Về mức độ dạy học, sách giáo khoa Tiếng Việt 3 đã giới thiệu sơ bộ về phép so sánh, hình thành những hiểu biết và kĩ năng ban đầu về so sánh cho học sinh thông qua các bài tập thực hành. Từ đó, giúp học sinh cảm nhận được cái hay của một số câu văn, câu thơ và vận dụng phép so sánh vào quan sát sự vật, hiện tượng xung quanh và thể hiện vào bài tập làm văn được tốt hơn. Mặt khác, việc dạy phép so sánh cho học sinh lớp 3 cũng là một cách chuẩn bị dần để các em sử dụng thành thạo hơn phép tu từ này khi làm các bài văn kể chuyện hoặc miêu tả khi lên lớp 4, 5.

Trên thực tế, khi dự giờ, tôi thấy một số giáo viên còn lúng túng khi lựa chọn các phương pháp hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách so sánh và tác dụng của phép so sánh trong cuộc sống và trong khi viết văn. Việc đánh giá kĩ năng sử dụng phép so sánh của học sinh cũng chưa có các tiêu chí cụ thể, nhiều khi sự đánh giá của giáo viên còn mang tính chất cảm tính và nhờ vào kinh nghiệm. Về phía học sinh, các em nhận biết được các hình ảnh so sánh nhưng việc vận dụng kiến thức về phép so sánh vào nói, viết còn hạn chế.

Đứng trước thực trạng đó, với trách nhiệm của người cán bộ quản lý nhà trường, tôi đã lựa chọn sáng kiến **“Một số biện pháp dạy phép so sánh trong phân môn Luyện từ và câu lớp 3”.**

1. **Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng**:

2.1. Điều kiện: Giáo viên phải tâm huyết với nghề, không ngừng học hỏi, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh.

2.2. Thời gian áp dụng:Năm học 2018 - 2019

2.3.Đối tượng áp dụng: Giáo viên lớp 3 trong nhà trường.

**3. Nội dung sáng kiến**

+ Tính mới, tính sáng tạo của sáng kiến:

- Đưa ra được một số biện pháp, giúp giáo viên vận dụng vào giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả dạy phép so sánh cho học sinh lớp 3.

+ Khả năng áp dụng: Có thể áp dụng cho các giáo viên dạy phân môn Luyện từ và câu lớp 3.

+ Lợi ích thiết thực của sáng kiến: Nếu áp dụng những biện pháp dạy học phép tu từ so sánh khi dạy học sinh cũng như xây dựng các quy trình hướng dẫn học sinh vận dụng vào phân môn Tập đọc và Tập làm văn thì hiệu quả của việc dạy học sẽ được nâng cao. Các biện pháp đó sẽ tạo không khí thoải mái, nhẹ nhàng giúp học sinh ghi nhớ kiến thức một cách hiệu quả nhất.

**4. Giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến**

Sau thời gian nghiên cứu, triển khai và chỉ đạo giáo viên áp dụng vào thực tế giảng dạy, qua khảo sát, dự giờ thăm lớp, tôi nhận thấy trước đây không những học sinh mà cả giáo viên còn lúng túng, có khi còn nhầm lẫn giữa các kiểu so sánh. Nhưng đến thời điểm hiện tại, học sinh biết phân loại, nhận dạng từng loại bài tập về so sánh. Học sinh tiếp thu bài một cách tích cực, chủ động và tự tin áp dụng vào luyện tập thực hành.

**5. Đề xuất, khuyến nghị để thực hiện áp dụng**

Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề, về phương pháp dạy học cho giáo viên. Thường xuyên quan tâm đến chất lượng dạy học của giáo viên. Cần khơi dậy hứng thú học tập, lòng say mê học hỏi của học sinh, biết trân trọng và phát huy tính sáng tạo của các em. Tăng cường trang bị cơ sở vật chất để tạo điều kiện, nâng cao hiệu quả của việc dạy và học. Giáo viên cần đổi mới nhận thức và tích cực vận dụng phối hợp linh hoạt các phương pháp phù hợp với mọi đối tượng học sinh trong việc tổ chức các hoạt động dạy học.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

**1.1. Đặt vấn đề**

Để đáp ứng được thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong thế kỷ 21 đòi hỏi phải có những con người phát triển toàn diện về: (trí lực, tâm lực và thể lực). Chính vì vậy, Nghị quyết Trung ương II đã chỉ rõ: “Các ngành học, cấp học cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo cơ sở vững chắc cho việc đào tạo con người phát triển toàn diện. Cần tạo nên sự chuyển biến cơ bản trong phát triển giáo dục về quy mô và đặc biệt là về chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo”. Để đáp ứng được mục tiêu đó, đòi hỏi người giáo viên phải sáng tạo, mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học, tìm biện pháp có hiệu quả nhất giúp học sinh chủ động tiếp thu kiến thức. Muốn làm được điều đó, Ban giám hiệu nhà trường phải đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc quản lý và chỉ đạo đội ngũ giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Ở bậc Tiểu học, Tiếng Việt là môn học chính, nó bao gồm nhiều phân môn như: Tập viết, Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn, Kể chuyện. Mỗi môn học đều có mục đích, nhiệm vụ và phương pháp giảng dạy riêng, đặc biệt phân môn Luyện từ và câu là một phân môn quan trọng không thể thiếu được vì nó là công cụ để học sinh khám phá thế giới xung quanh. Nó cung cấp cho học sinh vốn hiểu biết, vốn từ, câu phục vụ quá trình giao tiếp; cung cấp những cơ sở để học sinh cảm thụ cái hay, cái đẹp trong ngôn ngữ nghệ thuật của các tác phẩm văn chương, khơi dậy, phát triển khả năng tư duy, óc sáng tạo của học sinh, tính hiếu động, tò mò thích khám phá; củng cố các kiến thức đã học, phát triển trí tưởng tượng phong phú, bồi dưỡng năng khiếu thẩm mỹ, lòng tự hào, yêu quý tôn trọng tiếng mẹ đẻ...

Từ đó giúp các em hình thành được thói quen dùng lời hay, ý đẹp, tế nhị trong giao tiếp, giúp học sinh hiểu biết cơ bản về cách dùng từ đặt câu, để viết câu văn hay, đoạn văn có hình ảnh, học tốt các môn học khác.

**1.2. Lí do chọn đề tài**

Qua thực tế giảng dạy, nghiên cứu, kiểm tra, dự giờ thăm lớp, phỏng vấn giáo viên và học sinh, tôi thấy các bài tập về phép tu từ so sánh có vai trò rất quan trọng. Trong việc học tập, tiếp nhận kiến thức các phân môn, môn học khác cũng như trong giao tiếp các em sử dụng rất nhiều đến phép tu từ so sánh.

Đối với việc dạy và học Tiếng Việt, cụ thể là phân môn Luyện từ và câu thì việc nắm chắc phép tu từ so sánh và mục đích sử dụng rất quan trọng. Trong cuộc sống hằng ngày, khi trò chuyện, giao tiếp với những người xung quanh chúng ta sử dụng rất nhiều đến phép tu từ so sánh.

“So sánh” là cách nói rất quen thuộc và phổ biến trong cuộc sống cũng như trong sáng tạo văn chương. Nhờ phép so sánh, người viết có thể gợi ra những hình ảnh cụ thể, những cảm xúc thẩm mĩ lành mạnh, đẹp đẽ cho người đọc, người nghe. So sánh được coi là một trong những phương thức tạo hình, gợi cảm hiệu quả nhất, có tác dụng lớn trong việc tái hiện đời sống, hình thành và phát triển trí tưởng tượng, óc quan sát và khả năng nhận xét, đánh giá của con người. Mặt khác, nó còn làm cho tâm hồn và trí tuệ của con người thêm phong phú, giúp con người cảm nhận văn học và cuộc sống một cách tinh tế, sâu sắc hơn.

Việc dạy phép so sánh cho học sinh lớp 3 cũng là một cách chuẩn bị dần để các em sử dụng thành thạo hơn phép tu từ này khi làm các bài văn kể chuyện hoặc miêu tả khi lên lớp 4, 5.

Trên thực tế, khi dự giờ, tôi thấy một số giáo viên còn lúng túng khi lựa chọn các phương pháp hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách so sánh và tác dụng của phép so sánh trong cuộc sống và trong khi viết văn. Việc đánh giá kĩ năng sử dụng phép so sánh của học sinh cũng chưa có các tiêu chí cụ thể, nhiều khi sự đánh giá của giáo viên còn mang tính chất cảm tính và nhờ vào kinh nghiệm. Về phía học sinh, các em nhận biết được các hình ảnh so sánh nhưng việc vận dụng kiến thức về phép so sánh vào nói, viết còn hạn chế.

Chính vì thực trạng đó, tôi nảy sinh sáng kiến: “**Một số biện pháp dạy phép so sánh trong phân môn Luyện từ và câu lớp 3”**

**1.3. Mục tiêu nghiên cứu:**

Nhằm giúp giáo viên nắm vững mục tiêu của phân môn Luyện từ và câu và biết vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phân môn này. Để giờ học đạt hiệu quả, tôi đưa ra một số biện pháp mong phần nào tháo gỡ những khó khăn, giúp các đồng nghiệp tự tin hơn trong việc dạy phép tu từ so sánh. Mặt khác, giúp học sinh nắm chắc nội dung kiến thức bài học và áp dụng vào luyện tập, thực hành đạt hiệu quả cao.

**1.4. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu:**

- Giáo viên và học sinh lớp 3 trong trường nơi tôi công tác.

- Nội dung chương trình, phương pháp dạy phân môn Luyện từ và câu.

- Sách Tiếng Việt lớp 3; Vở bài tập Tiếng Việt lớp 3.

- Nghiên cứu về phương pháp dạy học sinh lớp 3 học tốt về phép tu từ so sánh.

**1.5. Phương pháp nghiên cứu:**

- Phương pháp điều tra, khảo sát thực tế: Trao đổi với đồng nghiệp về những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy phép tu từ so sánh trong phân môn Luyện từ và câu.

+ Dự giờ giáo viên

+ Khảo sát chất lượng học sinh.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Đọc tài liệu liên quan đến dạy học phân môn Luyện từ và câu ở Tiểu học.

- Phương pháp dạy thực nghiệm đối chứng: Xây dựng tiết học thử nghiệm và đối chứng, rút ra bài học về phương pháp.

- Phương pháp kiểm tra đánh giá.

- Phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp.

**1.6. Những điểm mới cơ bản của sáng kiến**

Nội dung sáng kiến đưa ra được các biện pháp giúp giáo viên nắm vững mục tiêu của phân môn Luyện từ và câu và biết vận dụng một số phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả khi dạy phép tu từ so sánh cho học sinh lớp 3.

**Cụ thể**:

- Đưa ra được một số biện pháp để giáo viên vận dụng giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả khi dạy phép tu từ so sánh cho học sinh lớp 3.

- Hướng dẫn học sinh làm một số dạng bài tập về phép tu từ so sánh, tạo không khí thoải mái, nhẹ nhàng, phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh và giúp học sinh ghi nhớ kiến thức tốt và biết vận dụng vào luyện tập thực hành đạt hiệu quả.

**2. Cơ sở lí luận của sáng kiến:**

**2.1. Cơ sở Tiếng Việt:**

Trong tất cả các phân môn của môn Tiếng Việt, tôi thấy phân môn Luyện từ và câu là phân môn khó nhất vì lượng kiến thức rất phong phú, đa dạng. Phân môn Luyện từ và câu là một phân môn khó không chỉ đối với học sinh mà ngay cả đối với mỗi giáo viên cũng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Khi giảng dạy, giáo viên cần phải nghiên cứu kĩ để đưa ra phương pháp giảng dạy hợp lí nhất.

Dạy so sánh trong phân môn Luyện từ và câu là nội dung rất phong phú cho học sinh lớp 3. Đây là phần kiến thức mới và khó đối với học sinh lớp 3. Việc xác định được đối tượng so sánh, kiểu so sánh cho học sinh là rất phức tạp. Kiểu bài so ở lớp 3 được chia thành các dạng bài tập từ dễ đến khó. Tuy nhiên, trên thực tế, học sinh còn rất lúng túng trong việc xác định các kiểu, dạng so sánh và vận dụng vào làm bài tập hiệu quả chưa cao.

Để khắc phục tình trạng trên, với vai trò là người quản lý, ngoài cách giảng dạy như sách giáo khoa, sách thiết kế, tôi đã đi sâu nghiên cứu sách giáo khoa, sách thiết kế, sách giáo viên, sách tham khảo, tích luỹ tổng hợp kiến thức, trao đổi kinh nghiệm cùng đồng nghiệp, bạn bè để tìm ra phương pháp, chuyên đề, thực nghiệm giảng dạy để nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

**2.2. Cơ sở tâm lí học.**

Đối với học sinh Tiểu học việc làm tốt các bài tập về phép tu từ so sánh không phải là vấn đề dễ dàng do nhận thức của các em thường là nhận thức trực quan. Và quan trọng hơn đó là đối với học sinh lớp 3 ngôn ngữ nói và viết của các em còn rất hạn chế.

Học sinh vận dụng phép tu từ so sánh vào sử dụng thực tế hằng ngày chưa thực sự đạt hiệu quả.

* 1. ***Cơ sở phương pháp dạy học:***

Để khắc phục tình trạng trên, ngoài việc truyền đạt kiến thức cho học sinh làm các bài tập trong sách giáo khoa, giáo viên cần thường xuyên tham khảo các loại sách, báo chí, tạp chí… Qua đó tích lũy cho bản thân vốn kiến thức sâu rộng. Ngoài ra, giáo viên phải luôn luôn trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, bạn bè, từ đó rút ra những phương pháp hay, tạo cho các em hứng thú học tập và xác định được vai trò và trách nhiệm với bản thân và học sinh mình quản lý.

**3. Thực trạng của vấn đề:**

**3.1. Ưu điểm:**

**3.1.1. Về phía giáo viên:**

Đa số giáo viên còn trẻ, có lòng yêu nghề mến trẻ. Nắm vững nội dung chương trình, truyền thụ đúng, đủ kiến thức kĩ năng cần đạt. Nhìn chung, nhiều giáo viên đã nắm được mục đích của việc dạy phép tu từ so sánh cho học sinh. Biết vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học vào bài giảng, giúp học sinh tiếp thu bài một cách tự tin, chủ động hơn. Một số giáo viên biết sử dụng linh hoạt các phương tiện dạy học giúp các em tiếp cận với phép so sánh một cách dễ dàng hơn.

**3.1.2. Về phía học sinh:**

Đại đa số các em hứng thú với môn học. Các em nhận biết được phép tu từ so sánh trong câu văn, câu thơ. Đặc biệt, các em biết vận dụng viết được những câu văn hay, những câu sinh động về cảnh vật, con người, hiện tượng...có sử dụng phép tu từ so sánh.

**3.2. Hạn chế:**

**3.2.1. Về phía giáo viên:**

Hiện nay, một số tiết Tiếng Việt nói chung, phân môn Luyện từ và câu nói riêng được tiến hành một cách có hiệu quả nhờ sự quan tâm, đầu tư cho soạn giảng của giáo viên, đổi mới hình thức tổ chức hoạt động học tập cho học sinh trên lớp. Tuy nhiên, việc dạy học này chưa được thể hiện đều ở đại bộ phận giáo viên của nhà trường. Nhiều tiết dạy chưa tạo được hứng thú cho học sinh tham gia học hỏi và tìm hiểu kĩ nội dung bài học. Giáo viên còn phụ thuộc nhiều vào sách giáo khoa, sách giáo viên, chưa chịu tìm tòi, nghiên cứu mở rộng dạng bài cho học sinh.

- Giáo viên còn lúng túng trong việc xác định phương pháp dạy học do đặc trưng của phân môn Luyện từ và câu nói chung và phần dạy các phép tu từ nói riêng không có phần bài học.

- Một số giáo viên chưa tích cực sử dụng đồ dùng dạy học, tìm tòi tổ chức các hình thức phong phú, đa dạng để gây hứng thú học tập cho học sinh. Giáo viên sử dụng phương tiện dạy học chưa hợp lí.

- Một số giáo viên còn lúng túng trong việc xây dựng quy trình của một tiết dạy các bài về phép tu từ. Sau khi kiểm tra bài cũ, giáo viên thường hướng dẫn học sinh lần lượt làm các bài tập trong sách giáo khoa mà chưa cho học sinh tìm hiểu mục đích của bài tập, tìm cách giải qua việc phân tích các chỉ dẫn làm bài nêu trong đầu bài, thậm chí cũng không tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả, đánh giá, nhận xét để rút kinh nghiệm cho bài sau.

- Một số giáo viên chưa nắm vững mức độ nội dung của cả chương trình và của từng bài cụ thể, dẫn đến việc dạy quá cao hoặc quá thấp so với chương trình.

- Đặc biệt có một hiện thực đó là một số giáo viên chưa giải quyết triệt để các yêu cầu của một bài tập luyện từ và câu về biện pháp so sánh với 3 yêu cầu.

+ Yêu cầu 1: Phát hiện hình ảnh so sánh, sự vật so sánh, từ so sánh.

+ Yêu cầu 2: Hiểu tác dụng của so sánh.

+ Yêu cầu 3: Vận dụng vào câu văn, đoạn văn có sử dụng biện pháp so sánh.

Thường giáo viên mới chỉ dừng ở yêu cầu 1 và yêu cầu 3 thì việc vận dụng còn mang tính hình thức chưa nhận xét kĩ cho học sinh.

Chính vì những lí do trên dẫn tới tiết học còn đơn điệu. Chưa tổ chức các hoạt động tích cực cho học sinh để các em phát hiện, tự giải quyết vấn đề mà bài học đặt ra để tự chiếm lĩnh kiến thức một cách dễ dàng và hiệu quả.

**3.2.2. Về phía học sinh:**

Nhìn chung các em học sinh lớp 3 chưa có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo khi áp dụng kiến thức để làm các bài tập về so sánh.Các em thường làm bài theo “lối mòn”, áp dụng các dạng bài tương tự để làm bài. Do đó, khi gặp phải các bài tập khác với những bài mà thầy cô đã cho, các em thường bỏ không làm, các em chưa có ý thức khi nói và viết câu. Đặc biệt, các em còn nhầm lẫn giữa so sánh logic và so sánh tu từ, tìm sai từ so sánh, nhận diện sai các yếu tố so sánh, tạo hình ảnh so sánh chưa hợp lí, chưa cảm nhận được giá trị của phép so sánh.

**3.3. Kết quả khảo sát thực tế:**

Để khẳng định kết quả của sáng kiến, tôi đã tiến hành điều tra thực trạng việc dạy và học phân môn Luyện từ và câu ở trường Tiểu học nơi tôi công tác.

**Tôi chọn lớp 3A để khảo sát.**

**Đề khảo sát (thời gian làm bài 25 phút)**

**Bài 1**: Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu sau:

1. Hồ này rộng hơn cái đầm ở làng.
2. Cái lưng còng của ông cụ sao giống lưng ông nội thế.

**Bài 2**: Tìm các từ chỉ sự so sánh trong câu thơ sau:

Đây con sông như dòng sữa mẹ

**Bài 3:**

Tìm các hình ảnh so sánh trong câu sau:

Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

**Bài 4:**

Em hãy đặt một câu có hình ảnh so sánh.

**Kết quả khảo sát như sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| 3A | 27 | 8 | 29,6 | 14 | 51,9 | 5 | 18,5 |

Qua khảo sát lần 1, tôi nhận thấy một số học sinh còn lúng túng trong việc xác định tìm những hình ảnh, sự vật được so sánh hoặc đặt câu có hình ảnh so sánh chưa chính xác.

Kết quả trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đem đến. Song, nguyên nhân chính mà tôi nhận thấy đó là học sinh chưa biết vận dụng những kiến thức đã học ở những bài trước để áp dụng vào làm bài một cách hiệu quả nhất.

Từ những thực trạng trên, qua nghiên cứu, tìm hiểu, tôi đã mạnh dạn đưa ra một số biện pháp sau với mục đích giúp giáo viên nâng cao hiệu quả khi dạy phép tu từ so sánh.

1. **Các giải pháp, biện pháp thực hiện:**

**4.1. Biện pháp 1: Hướng dẫn học sinh nhận biết về so sánh**

Trong cuộc sống thực tế hàng ngày chúng ta đã sử dụng phép so sánh (đó là nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc hơn kém). Khi nói đến hoặc khi viết có sử dụng phép so sánh thì người nói, người viết sẽ làm cho người nghe dễ hiểu, dễ tưởng tượng điều muốn diễn tả. Có thể minh họa điều đó là hai ví dụ sau:

Ví dụ 1: Tóc bà em bạc trắng.

Ví dụ 2: Tóc bà em bạc trắng như cước.

Chúng ta nhận thấy rằng cả 2 câu trên đều có nội dung miêu tả tóc bà bạc trắng nhưng ở ví dụ 2 (có dùng phép so sánh), câu văn rõ ràng hơn và gợi tả hơn. Đó cũng chính là lí do để mỗi giáo viên khi dạy về phép so sánh trong phân môn luyện từ và câu lớp 3 cần hướng dẫn học sinh phân tích các ví dụ ở từng tiết dạy với một hệ thống câu hỏi gợi mở để học sinh thấy rõ được giá trị của phép so sánh.

**Ví dụ 1:** Bài 2 trang 8 SGK- TV3 tập 1

Hai bàn tay em

Như hoa đầu cành

(Huy Cận)

Với ví dụ trên giáo viên cần dùng câu hỏi gợi mở để học sinh nhận thấy:

+ Hình ảnh so sánh hay sự vật cần nói đến là “hai bàn tay em”’

+ Hình ảnh dùng để so sánh hay sự vật dùng để so sánh là “hoa đầu cành”.

+ Từ so sánh là từ “như”.

- Đối với học sinh tiếp thu bài chậm giáo viên dùng phiếu sơ đồ để trợ giúp (hỗ trợ học sinh tìm sự vật được so sánh với nhau).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự vật 1 | Từ so sánh | Sự vật 2 |
|  |  |  |

- Với phiếu bài tập này, học sinh tiếp thu chậm sẽ tìm được các sự vật được so sánh với nhau như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự vật 1 | Từ so sánh | Sự vật 2 |
| Hai bàn tay em | như | hoa đầu cành |

Vậy hai bàn tay em được so sánh với hoa đầu cành.

**Ví dụ 2:** Cánh diều như dấu “á”

Ai vừa tung lên trời

(Lương Vĩnh Phúc)

Ngoài biện pháp sử dụng phiếu bài tập như trên, giáo viên có thể đưa câu hỏi xuôi chiều (đưa sự vật so sánh - tìm sự vật được so sánh) giúp học sinh tìm ra hình ảnh so sánh trong câu thơ. Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh thảo luận cặp đôi với câu hỏi: Cánh diều được so sánh với cái gì? Học sinh dễ dàng tìm ra câu trả lời: Cánh diều được so sánh với dấu “á”.

**Ví dụ 3:**

Ơ cái dấu hỏi

Trông ngộ ngộ ghê

Như vành tai nhỏ

Hỏi rồi lắng nghe

(Phạm Như Hà)

Với câu hỏi xuôi chiều như trên lại không phù hợp với đối tượng học sinh học tốt, bởi với câu hỏi xuôi chiều sẽ không kích thích tư duy của các em. Khi đó giáo viên có thể đặt câu hỏi ngược (đưa sự vật dùng để so sánh - yêu cầu học sinh tìm sự vật được so sánh) làm cho giờ học sinh động, kích thích tính tự học tập của học sinh như:

Tác giả dùng dấu “á” để so sánh với sự vật nào?

Học sinh sẽ nhận ra hình ảnh dấu “á” để so sánh với “cánh diều”.

Với học sinh tiếp thu bài chậm giáo viên dùng phiếu sơ đồ để trợ giúp (hỗ trợ học sinh tìm sự vật được so sánh với nhau).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự vật 1 | Từ so sánh | Sự vật 2 |
|  |  |  |

- Với phiếu bài tập này học sinh tiếp thu chậm sẽ tìm được các sự vật được so sánh với nhau như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự vật 1 | Từ so sánh | Sự vật 2 |
| Cánh diều  Dấu hỏi | như  như | dấu “á”  vành tai nhỏ |

**Kết luận:** Từ những ví dụ cụ thể học sinh hiểu được muốn câu có hình ảnh so sánh thì câu đó phải có:

* Hình ảnh so sánh
* Hình ảnh dùng để so sánh
* Từ so sánh

**Lưu ý:** Các sự vật so sánh với nhau phải có nghĩa tương đồng.

**4.2.** **Biện pháp 2**: **Hướng dẫn học sinh nắm được các kiểu so sánh**

Trong quá trình dạy học sinh về phép so sánh, giáo viên cũng cần hướng dẫn học sinh nắm được các kiểu so sánh. Có như vậy học sinh mới thấy hết tác dụng của so sánh và vận dụng có hiệu quả phép so sánh vào trong việc đặt câu và viết đoạn, bài văn. Trong phân môn luyện từ và câu lớp 3, phần dạy về so sánh các ví dụ trong SGK đưa ra theo 2 kiểu: kiểu so sánh ngang bằng và kiểu so sánh hơn kém, giáo viên cần hướng dẫn học sinh phân biệt 2 kiểu so sánh bằng các ví dụ cụ thể:

***Ví dụ:*** Bài 1 (TV 3 tập 1 trang 43)

Yêu cầu của bài là tìm hình ảnh so sánh trong khổ thơ sau:

1. Bế cháu ông thủ thỉ

- Cháu khỏe hơn ông nhiều!

Ông là buổi trời chiều

Cháu là ngày rạng sáng

(Phạm Cúc)

1. Ông trăng tròn sáng tỏ

Soi rõ sân nhà em

Trăng khuya sáng hơn đèn

Ơi ông trăng sáng tỏ.

(Trần Đăng Khoa)

c) Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Trần Quốc Minh)

Với bài tập trên, muốn hướng dẫn học sinh phân biệt 2 kiểu so sánh trong khổ thơ, giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện theo các bước sau:

**Bước 1:** Tìm hình ảnh so sánh:

Tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để tìm ra các hình ảnh so sánh như sau:

1. Cháu được so sánh với ông về sức khỏe.

Ông được so sánh với buổi trời chiều.

Cháu được so sánh với ngày rạng sáng.

b) Trăng khuya được so sánh với đèn.

c) Những ngôi sao thức được so sánh với mẹ đã thức vì chúng con.

Mẹ được so sánh với ngọn gió.

**Bước 2:** Hướng dẫn học sinh phát hiện từ dùng để so sánh.

Nếu như học sinh tự tìm từ so sánh một cách tự do, chúng tôi thấy rất nhiều học sinh tìm thiếu từ hoặc thiếu chính xác. Vì vậy giáo viên cần hướng dẫn học sinh dựa trên cơ sở cấu tạo của một hình ảnh so sánh bằng phiếu bài tập đã xác định hình ảnh so sánh và hình ảnh dùng để so sánh.

***Ví dụ:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự vật 1 | Từ so sánh | Sự vật 2 |
| Cháu |  | ông |
| Ông |  | buổi trời chiều |
| Cháu |  | ngày rạng sáng |
| Trăng |  | đèn |
| Những ngôi sao |  | mẹ đã thức vì chúng con |
| Mẹ |  | ngọn gió của con suốt đời |

Với định hướng trên, học sinh tự tìm từ so sánh rất nhanh và chính xác như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sự vật 1 | Từ so sánh | Sự vật 2 |
| Cháu | hơn | ông |
| Ông | là | buổi trời chiều |
| Cháu | là | ngày rạng sáng |
| Trăng | hơn | đèn |
| Những ngôi sao | chẳng bằng | mẹ đã thức vì chúng con |
| Mẹ | là | ngọn gió của con suốt đời |

Từ phiếu bài tập trên, học sinh tìm được từ so sánh là:

Câu a là từ “hơn”; “là”; “là”

Câu b là từ “hơn”

Câu c là từ “chẳng bằng”; “là”

Sau khi học sinh tìm được từ so sánh, giáo viên cho học sinh thảo luận nhóm để học sinh nhận thấy có 2 kiểu so sánh là:

+ Kiểu 1: So sánh ngang bằng thường có các từ so sánh như : Như, như là, giống như, tựa, tựa như, là…

+ Kiểu 2: So sánh hơn kém thường có các từ so sánh như: chẳng bằng, hơn, kém...

Khi dạy học sinh phân biệt các kiểu so sánh, giáo viên cần lưu ý một số trường hợp đặc biệt :

**Trường hợp 1:**

Cần phân biệt mẫu câu: Ai là gì với câu có hình ảnh so sánh :

Trong quá trình giáo viên giảng dạy, tôi thấy khi yêu cầu học sinh đặt câu có hình ảnh so sánh thì không ít học sinh đặt nhầm sang mẫu câu Ai là gì vì học sinh nóng vội, không suy đoán cứ thấy có từ chỉ sự vật và có từ “là” thì cho đó là câu sử dụng phép so sánh. Vì vậy, giáo viên cần hướng dẫn học sinh phân biệt câu theo mẫu Ai là gì với câu có sử dụng từ “là” dùng để so sánh một việc làm hết sức quan trọng. Với những trường hợp đó, giáo viên cần đưa ra cách hướng dẫn học sinh phân biệt như sau :

**Bước 1:**  Giáo viên đưa ví dụ

Ví dụ 1: Mẹ em là bác sĩ.

Ví dụ 2: Mẹ em là cô tiên.

**Bước 2:** Hướng dẫn học sinh phân tich hai ví dụ:

Ở ví dụ 1**: Mẹ em** là sự vật so sánh - từ chỉ người.

**Bác sĩ** là sự vật để so sánh - từ chỉ nghề nghiệp.

Phân tích ví dụ trên, học sinh nhận thấy từ chỉ người không thể so sánh với từ chỉ nghề nghiệp. Từ đó học sinh nhận thấy ví dụ 1 không phải là câu có sử dụng phép so sánh.

Ở ví dụ 2: **Mẹ em** là sự vật so sánh - từ chỉ người

**cô tiên** là từ dùng để so sánh - từ chỉ người

Hai sự vật (mẹ em, cô tiên) đều có nét tương đồng nên “mẹ em” được so sánh với cô tiên - đây là câu sử dụng phép so sánh.

**Trường hợp 2:**

Một số trường hợp có hình ảnh so sánh nhưng không có từ so sánh:

Dùng dấu gạch nối thay cho từ so sánh.

Đối với trường hợp này, giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết bằng ngữ cảm.

*Ví dụ* : Bài 3 (TV3 tập 1 trang 43)

Thân dừa bạc phếch tháng năm

Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao

Đêm hè, hoa nở cùng sao

Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh.

(Trần Đăng Khoa)

Ở ví dụ trên, bằng ngữ cảm học sinh nhận thấy: Quả dừa - đàn lợn; Tàu dừa - chiếc lược đều là sự vật có nét tương đồng nên:

“Quả dừa” được so sánh với “đàn lợn”

“Tàu dừa” được so sánh với “chiếc lược”

Và ở đây tác giả đã dùng dấu gạch nối thay cho từ so sánh.

Ngoài ra, có thể dùng dấu hai chấm thay cho từ so sánh.

*Ví dụ* : Trường Sơn: chí lớn ông cha

Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào.

(Lê Anh Xuân)

Tương tự cách phân tích trên học sinh nhận thấy:

“Trường Sơn” được so sánh với “chí lớn ông cha”

“Cửu Long” được so sánh với “lòng mẹ”

Ở đây tác giả đã dùng dấu hai chấm thay cho từ so sánh.

Hoặc không có dấu hiệu về từ hoặc dấu:

*Ví dụ* : Trời như cánh đồng

Xong mùa gặt hái

Diều em lưỡi liềm

Ai quên bỏ lại.

(Trần Đăng Khoa)

Đối với dạng bài tập này, giáo viên nên dùng để phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi trong từng giờ học.

+ Mức độ 1: Học sinh tiếp thu chậm tìm được hình ảnh so sánh: “Trời” như “cánh đồng”

+ Mức độ 2: Học sinh tiếp thu bài tốt, ngoài tìm được hình ảnh so sánh ở mức độ 1 thì học sinh còn phát hiện ra hình ảnh so sánh thứ 2 là: “Diều” em “lưỡi liềm”.

**4.3. Biện pháp 3: Hướng dẫn học sinh nhận diện cách so sánh**

Muốn xác định đúng là cách so sánh nào, giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hình ảnh so sánh ở các ví dụ cụ thể để tìm các cách so sánh như sau:

***4.3.1. So sánh sự vật với sự vật.***

*Ví dụ:* Bài 3 (TV3 tập 1 trang 25)

Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

(Đất nước ngàn năm)

Để tìm được cách so sánh trong câu văn trên, giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện như sau:

Bước 1: Em hãy tìm hình ảnh so sánh? (dòng sông)

Tìm hình ảnh dùng để so sánh (đường trăng)

Bước 2: Xác định từ loại: Cả 2 từ (dòng sông, đường trăng) đều là từ chỉ sự vật và chúng có nét tương đồng.

Bước 3: Kết luận: Đây là cách so sánh sự vật với sự vật

Đối với những học sinh tiếp thu bài tốt giáo viên có thể gợi ý để học sinh phát hiện ra điều kiện để hai sự vật trên so sánh được với nhau là: “***vào những đêm trăng sáng***”. Làm như vậy không những học sinh nhận ra cách so sánh trong văn mà còn tạo điều kiện phát huy phát huy trí tưởng tượng và phát triển tư duy cho các em.

Cũng tiến hành so sánh như vậy với các cách so sánh sau:

***4.3.2. So sánh sự vật với con người***

Ở cách so sánh này SGK đưa ra rất nhiều bài tập:

*Ví dụ:* Bài 1 (TV3 tập 1 trang 58)

1. Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan

(Hồ Chí Minh)

b) Ngôi nhà như trẻ nhỏ

Lớn lên với trời xanh

(Đồng Xuân Lan)

c) Cây pơ- mu đầu dốc

Im như người lính canh

Ngựa tuần tra biên giới

Dừng đỉnh đèo hí vang

(Nguyễn Thái Vận)

d) Bà như quả ngọt chín rồi

Càng thêm tuổi tác càng thêm lòng vàng

(Võ Thanh An)

Đối với các bài tập trên, giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện theo cặp đôi để tìm ra các hình ảnh:

1. “Trẻ em” như “búp trên cành”
2. “Ngôi nhà” như “trẻ nhỏ”
3. “Cây pơ - mu” im như “người lính canh”
4. “Bà” như “quả ngọt chín rồi”

Trong quá trình dạy học, để phát huy năng lực của mỗi học sinh thì giáo viên cũng cần quan tâm đến cách khai thác như với hai dạng bài trên.

Trong cùng một thời gian, giáo viên yêu cầu học sinh tự đặt câu có hình ảnh so sánh. Chúng tôi chia thành 2 mức độ:

+ Mức độ 1: Học sinh tiếp thu chậm: Tìm thêm được 1- 2 ví dụ

+ Mức độ 2: Học sinh tiếp thu bài tốt: Tìm thêm được 3 - 5 ví dụ

***4.3.3. So sánh âm thanh với âm thanh***

*Ví dụ:* Bài 2 (TV3 tập 1 trang 80)

Côn Sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai

(Nguyễn Trãi)

1. Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

(Hồ Chí Minh)

c) Mỗi lúc, chúng tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những cành cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá.

(Đoàn Giỏi)

Học sinh thảo luận nhóm tìm ra những âm thanh được so sánh với nhau là:

1. Tiếng suối như tiếng đàn cầm.
2. Tiếng suối như tiếng hát.
3. Tiếng chim như tiếng xóc tổ những rổ tiền đồng.

***4.3.4. So sánh hoạt động với hoạt động***

*Ví dụ:* Bài 2 (TV3 tập 1 trang 98)

1. Con trâu đen lông mượt

Cái sừng nó vênh vênh

Nó cao lớn lênh khênh

Chân đi như đập đất

(Trần Đăng Khoa)

1. Cau cao, cao mãi

Tàu vươn giữa trời

Như tay ai vẫy

Hứng làn mưa rơi

(Ngô Viết Dinh)

1. Xuồng con đậu quanh thuyền lớn giống như đàn con nằm quanh bụng mẹ. Khi có gió, thuyền mẹ cót két rên rỉ, đám thuyền con lại húc húc thuyền mẹ như đòi bú tí.

Học sinh nhận thấy đây là cách so sánh giữa hai hoạt động với nhau:

1. Hoạt động “đi” được so sánh với hoạt động “đập đất”.
2. Hoạt động “vươn” được so sánh với hoạt động “vẫy”.
3. Hoạt động “đậu” được so sánh với hoạt động “nằm, húc húc” được so sánh với “đòi”.

***4.3.5. So sánh đặc điểm với đặc điểm***

*Ví dụ:* Bài 2 (TV3 tập 1 trang 116)

Cam xã Đoài mọng nước

Giọt vàng như mật ong.

Học sinh nhận thấy đây là cách so sánh hai đặc điểm với nhau (nước cam như mật ong.)

**4.4. Biện pháp 4**: **Hướng dẫn học sinh nhận biết tác dụng của so sánh**

So sánh là một biện pháp tu từ ngữ nghĩa, trong đó người ta đối chiếu hai đối tượng khác loại của thực tế khách quan không đồng nhất với nhau hoàn toàn mà chỉ có một nét nghĩa giống nhau nào đó nhằm diễn tả bằng hình ảnh một lối tri giác mới mẻ về đối tượng. Trong lời nói hàng ngày, những cách nói so sánh ví von khiến cho lời nói có hình ảnh, sinh động. Chính vì vậy, dạy cho học sinh thấy hết được tác dụng của so sánh là một việc làm hết sức quan trọng.

*Ví dụ 1:* Bài 2 (TV3 tập 1 trang 8)

Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.

(Vũ Tú Nam)

Học sinh nhận thấy so sánh như vậy khiến em cảm thấy mặt biển rất rộng, trong xanh như màu ngọc thạch.

*Ví dụ 2:* Mẹ em hiền như cô Tấm.

Cách so sánh này giúp em liên tưởng tới người mẹ hiền, ngoài ra còn bộc lộ cảm xúc của người con với mẹ.

*Ví dụ 3:* Mặt trời đỏ như một quả cầu lửa.

Em tưởng tượng thấy mặt trời rất nóng.

***Kết luận:*** Từ các ví dụ cụ thể học sinh nhận thấy cách so sánh này giúp ta:

* Diễn tả được nhiều mức độ khác nhau
* Dễ hình dung, dễ hiểu
* Phát triển trí tưởng tượng, sự liên tưởng

**4.5. Biện pháp 5:** **Hướng dẫn học sinh vận dụng thực hành**

Việc học sinh cảm thụ văn chương và biết nói, viết những câu văn có hình ảnh so sánh là cái đích cần đạt được. Trong giờ luyện từ và câu, giáo viên chưa có điều kiện và thời gian để khai thác hết. Chính vì vậy mà giáo viên cần tiến hành ở giờ luyện tập thêm vào buổi 2 cho học sinh hiểu và vận dụng thực hành qua một số dạng bài tập. Quy trình đó được diễn ra như sau:

***Bước 1:*** Hiểu để cảm thụ

Ví dụ 1: Mẹ em đẹp như tiên.

Ví dụ 2: Mai xấu như ma.

Học sinh nhận thấy cả hai câu trên đều nhận xét về hình thức (Câu 1 về mẹ, câu 2 về Mai). Cả hai câu trên đều dùng phép so sánh có giá trị gợi tả, giúp ta dễ hình dung nét đẹp của mẹ, cái xấu của Mai. Ngoài ra hai câu trên còn có tính gợi cảm (câu 1 bộc lộ cảm xúc yêu mẹ, câu 2 tỏ ý không quý Mai).

***Bước 2:*** Vận dụng nói, viết câu có hình ảnh so sánh tùy thuộc vào khả năng của học sinh, giáo viên cần đưa ra một số dạng bài tập từ dễ đến khó để học sinh vận dụng, thực hành ngay trong các giờ luyện từ và câu và các giờ luyện tập thêm buổi 2 môn Tiếng Việt như sau :

***Dạng 1: Nhận biết câu có hình ảnh so sánh***

*Ví dụ 1:*  Bài trắc nghiệm:

Mắt của ngôi nhà

Là những ô cửa

Hai cánh khép mở

Như hai hàng mi.

(Đặng Vương Hưng)

Khổ thơ trên có :

Một hình ảnh so sánh

Hai hình ảnh so sánh

Ba hình ảnh so sánh

*Ví dụ 2:* Bài lựa chọn:

*+ Mức độ 1:* Đưa hàng loạt câu - học sinh tìm ra câu có hình ảnh so sánh

1. Trăng tròn như mắt cá

Chẳng bao giờ chớp mi

(Trần Đăng Khoa)

1. Tay em đánh răng

Răng trắng hoa nhài

Tay em chải tóc

Tóc ngời ánh mai.

(Huy Cận)

c) Từ dưới nhìn lên, ngọn cau xòe ra như chiếc ô màu xanh, còn nõn cau như mũi kiếm đâm vút lên trời.

(Theo Băng Sơn)

Học sinh nhận thấy câu b không có hình ảnh so sánh còn câu a, câu c có hình ảnh so sánh. Đối với học sinh tiếp thu bài tốt thì các em còn phát hiện ra câu c có 2 hình ảnh so sánh.

*+ Mức độ 2:* Yêu cầu học sinh tìm trong bài tập đọc để chọn ra câu có sử dụng phép so sánh.

*Ví dụ:* Bài Hai bàn tay em (TV3 tập 1 trang 7)

Học sinh tìm ra câu có hình ảnh so sánh là:

Hai bàn tay em

Như hoa đầu cành

*Ví dụ:* Bài Mẹ vắng nhà ngày bão (TV3 tập 1 trang 32)

Học sinh tìm ra câu có hình ảnh so sánh là:

Mẹ về như nắng mới

***Dạng 2: Tạo câu có phép so sánh***

*Dạng bài: Nối từ ngữ cho thích hợp*

***Ví dụ:***

mắt con mèo như chiếc ô khổng lồ

mặt trời như quả cầu lửa

tán lá bàng hòn bi ve

Hãy đọc câu có hình ảnh so sánh vừa tạo được.

Học sinh đọc:

Mắt con mèo như hòn bi ve.

Mặt trời như quả cầu lửa.

Tán lá bàng như chiếc ô khổng lồ.

*Dạng bài: Cho một vế tạo câu có hình ảnh so sánh*

+ Cho hai sự vật - điền từ so sánh.

Để học sinh nhận thấy rõ được điều đó, giáo viên có thể khôi phục câu bằng cách thêm từ so sánh.

*Ví dụ:* Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh

+ Mức độ 1: Học sinh (tiếp thu bài chậm): Tìm được một cách

Tàu dừa “như” chiếc lược chải vào mây xanh.

+ Mức độ 2: Học sinh (Tiếp thu bài nhanh): Tìm được nhiều cách

*Ví dụ*:

Tàu dừa *như* chiếc lược chải vào mây xanh.

Tàu dừa *là* chiếc lược chải vào mây xanh.

Tàu dừa *tựa* chiếc lược chải vào mây xanh.

Tàu dừa *như là* chiếc lược chải vào mây xanh.

Tàu dừa *tựa như* chiếc lược chải vào mây xanh.

*Ví dụ:* Con thuyền bơi trong sương… bơi trong mây.

+ Cho một sự vật và từ so sánh - điền sự vật còn lại

*Ví dụ*: Lá cọ tròn xòe ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như...

HS: Lá cọ tròn xòe ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như mặt trời.

+ Cho từ so sánh, điền sự vật.

*Ví dụ*: … như…

“Chùm hoa phượng” như “những đốm lửa”.

***Dạng 3: Viết câu văn có sử dụng phép so sánh***

*Dạng bài: Cho câu - Viết thành câu sử dụng phép so sánh*

*Ví dụ*: Ông mặt trời đỏ rực rỡ.

Học sinh: Ông mặt trời đỏ rực rỡ như một quả cầu lửa.

*Dạng bài: Đặt câu*

*Ví dụ 1:* Tập đặt câu có hình ảnh so sánh

Học sinh đặt câu: Lông con mèo nhà em mượt như nhung.

Nhìn từ xa, cây bàng trông như một chiếc ô.

*Ví dụ 2:* Đặt câu theo yêu cầu như: tả mặt trời

HS 1: Mặt trời tròn như quả bóng.

HS 2: Mặt trời đỏ như một quả cầu lửa.

HS 3: Mặt trời tròn như cái đĩa.

*Ví dụ 3:* Tập viết câu có hình ảnh so sánh

Học sinh viết câu: Chú mèo nhà em có đôi mắt tròn như hòn bi ve.

Học sinh viết đoạn văn về một con vật.

Nhà em nuôi một chú chó, em đặt tên cho chú là Mick. Mick có đôi mắt sáng long lanh như hòn bi. Đôi tai chú như hai cái lá mít. Bộ lông màu vàng hung mượt như tơ. Chú rất thông minh, hay nô đùa cùng em....

**Tóm lại**: Với loại bài này, đòi hỏi ở học sinh sự sáng tạo trong câu văn do đó giáo viên gợi mở cho học sinh các cách sử dụng câu với những hình ảnh gần gũi, sinh động nhất mà các em thường gặp trong cuộc sống hàng ngày nhưng đạt hiệu quả cao trong câu văn.

1. **Kết quả đạt được:**

***5.1. Kết quả về chất lượng thu được***

***Kết quả khảo sát đầu năm:***

**Kết quả khảo sát**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| 3A | 27 | 8 | 29,6 | 14 | 51,9 | 5 | 18,5 |

Sau khi dự giờ, tôi đã tiến hành khảo sát ở lớp 3A. Kết quả cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| 3A | 27 | 15 | 55,5 | 12 | 44,5 | 0 | 0 |

Nhìn vào kết quả trên, ta thấy tỉ lệ học sinh hoàn thành tốt đã tăng lên rõ rệt. Không còn học sinh chưa hoàn thành kiến thức, kĩ năng của bài tập đưa ra.

***5.2. Kết quả về tình cảm với bộ môn:***

Sau thời gian triển khai và áp dụng vào thực tế giảng dạy, qua khảo sát, dự giờ thăm lớp, tôi thấy chất lượng học tập của các em đã tiến bộ rõ rệt. Các em hứng thú say mê học tập, yêu thích môn học, tập trung cao, phát huy được khả năng tư duy, trí tưởng tượng phong phú.

***5.3. Kết quả về năng lực học tập của học sinh:***

Từ sự tự tin, từ năng lực học tập chủ động, phát huy tính tích cực của mình, kĩ năng, kĩ xảo của các em đã được hình thành từ đơn giản đến thành thạo. Qua đó góp phần rèn luyện cho học sinh phương pháp học tập, làm việc khoa học, linh hoạt, sáng tạo; chất lượng học sinh hoàn thành tốt nội dung môn học tăng rõ rệt, không còn học sinh chưa hoàn thành.

Bản thân tôi thấy phấn khởi, nhiệt tình hơn, tích cực tìm tòi để đổi mới phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học cho giáo viên hơn nữa.

***5.4. Điểm mới, sáng tạo của sáng kiến:***

Sáng kiến đã đưa ra một số biện pháp thiết thực, tháo gỡ những khó khăn cho giáo viên để dạy tốt phân môn Luyện từ và câu nói chung và dạy phép so sánh nói riêng. Từ đó tránh được tình trạng giáo viên còn lúng túng trong việc xác định phương pháp dạy học, học sinh nhận diện sai các yếu tố so sánh, tạo hình ảnh so sánh chưa hợp lí, chưa cảm nhận được giá trị của phép so sánh;

giúp giáo viên và học sinh nắm chắc nội dung bài học và học sinh áp dụng vào luyện tập, thực hành đạt hiệu quả hơn.

1. **Điều kiện để sáng kiến nhân rộng**

Trên đây là một số biện pháp nhằm giúp giáo viên nâng cao hiệu quả dạy phép tu từ so sánh cho học sinh lớp 3. Tôi thực sự mong rằng sáng kiến này sẽ được sự quan tâm của bạn bè đồng nghiệp. Bước đầu triển khai và chỉ đạo áp dụng, sáng kiến đã đạt được hiệu quả rõ rệt.

Để sáng kiến này được nhân rộng, trước hết Ban giám hiệu phải thường xuyên dự giờ, đánh giá, góp ý cho giáo viên. Đồng thời tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để tạo điều kiện cho việc dạy và học đạt hiệu quả cao nhất. Đào tạo đội ngũ cốt cán có năng lực chuyên môn vững vàng để triển khai và thực hiện. Giáo viên phải có tinh thần trách nhiệm cao, có tâm huyết và lòng nhiệt tình, có tinh thần học hỏi, trao đổi kiến thức, khám phá từng bài dạy.

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

1. **Kết luận:**

Để dạy tốt phân môn Luyện từ và câu đòi hỏi người giáo viên phải có sự tìm tòi, nghiên cứu, biết tổng hợp kiến thức, có phương pháp giảng dạy phù hợp, linh hoạt mới dạy tốt phân môn này. Nếu như người giáo viên chỉ có lượng kiến thức bó hẹp trong SGK và SGV, không đầu tư thời gian nghiên cứu, hệ thống kiến thức, không biết vận dụng nhiều phương pháp, tổ chức những hoạt động phù hợp phát huy tính tích cực, khả năng sáng tạo của mỗi học sinh, không gây được hứng thú cho học sinh khi học môn học này thì học sinh chỉ cảm thấy khô khan, chán nản, không muốn học và từ đó kết quả học tập sẽ không cao.

Trong quá trình giảng dạy, người giáo viên cần lắng nghe ý kiến của học sinh, tôn trọng những thắc mắc của các em, không nên bỏ qua hoặc giải thích một cách áp đặt những thắc mắc đó. Hãy coi những thắc mắc của học sinh là những tình huống có vấn đề mà khi giải quyết vấn đề đó học sinh sẽ được củng cố, khắc sâu thêm bài học.

**2. Khuyến nghị**

**2.1. Đối với các cấp quản lý**

- Bản thân ngư­ời cán bộ quản lí phải biết trư­ớc, nắm chắc một cách tổng thể, quán triệt nhận thức, tư­ tư­ởng của giáo viên thấy được tinh thần trách nhiệm của mình trong việc cần phải đổi mới phư­ơng pháp giảng dạy. Tạo điều kiện cho 100% giáo viên đư­ợc học bồi dư­ỡng và là một tiêu chí thi đua của giáo viên. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo, hội giảng ở tổ chuyên môn, ở trư­ờng. Chuyên đề cần đi sâu vào vấn đề mới, khó để thống nhất phư­ơng pháp giảng dạy đồng thời phát huy đư­ợc sự sáng tạo của mỗi cá nhân.

- Tổ chức hội giảng sẽ khuyến khích giáo viên đầu tư trí tuệ cho tiết dạy và có dịp thể hiện mình.

- Hội thảo dạy từng phần kiến thức để giáo viên nắm chắc phư­ơng pháp giảng dạy.

- Tôi thư­ờng xuyên làm tốt công tác kiểm tra để giúp giáo viên tiến bộ và điều chỉnh cách quản lí của mình.

- Động viên giáo viên, tạo khí thế thi đua tự học, tự bồi dư­ỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Ngư­ời quản lí phải luôn đổi mới cách đánh giá giáo viên và học sinh dư­ới nhiều hình thức khác nhau.

- Biết kết hợp các môi trư­ờng giáo dục tạo điều kiện cho giáo viên dạy tốt và học sinh tích cực được trải nghiệm.

**2.2. Đối với giáo viên**

- Cần trau dồi, tự nâng cao về kiến thức chuyên môn, nghiệpvụ.

- Vận dụng phối hợp linh hoạt các phương pháp, phù hợp với đối tượng học sinh trong quá trình giảng dạy.

Trên đây là sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả khi dạy phép tu từ so sánh trong phân môn Luyện từ và câu lớp 3. Bản thân tôi đã nghiên cứu, triển khai và được các đồng nghiệp áp dụng vào giảng dạy trong năm học này và đã thu được kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu và thực hiện chưa nhiều nên không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của các cấp quản lý và các đồng nghiệp để cho việc dạy học phân môn Luyện từ và câu ngày càng hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học phân môn Luyện từ và câu nói riêng và chất lượng đào tạo trong nhà trường Tiểu học nói chung.

**Trân trọng cảm ơn!**

**Bài minh họa**

**Tuần 15:**

**Từ ngữ về các dân tộc. Luyện tập về so sánh**

**I. Mục tiêu**

- Biết tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta. (BT1)

- Điền đúng từ ngữ thích hợp vào chỗ trống (BT2)

- Dựa theo tranh gợi ý, viết (hoặc nói) được câu có hình ảnh so sánh (BT3)

- Điền được những từ ngữ thích hợp vào câu có hình ảnh so sánh (BT4)

- Giáo dục học sinh tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc

**II- Đồ dùng dạy học**

- Các câu văn trong bài tập 2, 4 viết sẵn trên bảng phụ

- Thẻ từ ghi sẵn các từ cần điền ở bài tập 2

- Phiếu học tập ghi bài 3

- Tranh ảnh minh họa ruộng bậc thang, nhà rông, nhà sàn

- Bản đồ địa lí Việt Nam

**III- Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Kiểm tra bài cũ**  - Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn sau:  Em vẽ làng xóm  Tre xanh, lúa xanh  Sông máng lượn quanh  Một dòng xanh mát  Trời mây bát ngát  Xanh ngắt mùa thu.  - Mỗi học sinh viết vào bảng câu có hình ảnh so sánh?  - Nhận xét bài của HS  **2. Bài mới**  **a- Giới thiệu bài**  - Trong tuần 15 chúng ta đã học những bài tập đọc nào?  + Bài: Hũ bạc của người cha của dân tộc nào?  Hôm nay chúng ta học bài: Từ ngữ về các dân tộc  Luyện đặt câu có hình ảnh so sánh.  **b- Mở rộng vốn từ về các dân tộc**  ***Bài 1:***  - Gọi 2 HS đọc yêu cầu của bài  - Hỏi : Em hiểu thế nào là dân tộc thiểu số?  - Người dân tộc thiểu số thường sống ở đâu trên đất nước ta?  - Chia HS thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm một tờ giấy khổ to, 1 bút dạ. Yêu cầu các em trong nhóm tiếp nối nhau viết tên các dân tộc thiểu số ở nước ta mà em biết vào tờ giấy  - Giáo viên chốt:  Một số dân tộc thiểu số ở nước ta là: Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Hmông, Giáy, Tà- ôi, Hoa, Vân Kiều, Khơ-mú, Ê-đê, Ba-na, Gia-rai, Xơ-đăng, Chăm, Khơ-me…  - GV cho HS quan sát bản đồ yêu cầu HS chỉ và nói tên một số dân tộc ở vùng núi phía Bắc, vùng miền Trung và vùng miền Nam.  - GV củng cố trên bản đồ  - Liên hệ anh hùng Núp người dân tộc Ba-na, anh Kim Đồng người dân tộc Nùng,… tham gia đánh giặc…  ***Bài 2:***  - Yêu cầu HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS suy nghĩ và tự làm bài  - Yêu cầu 2 HS ngồi cạnh đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau, sau đó chữa bài.  - Yêu cầu HS cả lớp đọc các câu văn sau khi đã điền từ hoàn chỉnh.  - GV: Những câu văn trong bài nói về cuộc sống, phong tục của một số dân tộc thiểu số ở nước ta.  + Em biết gì về ruộng bậc thang?  - GV giảng thêm về ruộng bậc thang: là ruộng nương được làm trên núi đồi, để tránh xói mòn đất, người dân đã bạt đất ở các sườn đồi thành các bậc thang và trồng trọt ở đó.  Nhà rông là ngôi nhà cao, to, làm bằng nhiều gỗ quý, chắc. Nhà rông của các dân tộc Tây Nguyên là nơi thờ thần linh, nơi tập trung mọi người trong buôn làng vào những ngày lễ hội (giống như đình làng ở vùng đồng bằng của người Kinh)  - HS so sánh nhà rông và nhà sàn.  **c. Luyện tập về so sánh**  ***Bài 3:***  - Yêu cầu HS đọc đề bài 3  - Yêu cầu HS quan sát cặp hình thứ nhất và hỏi: Cặp hình này vẽ gì?  - Hướng dẫn: Vậy chúng ta sẽ so sánh mặt trăng với quả bóng hoặc quả bóng với mặt trăng. Muốn so sánh được chúng ta phải tìm được điểm giống nhau giữa mặt trăng và quả bóng.  - Hãy đặt câu so sánh mặt trăng và quả bóng  - Yêu cầu HS suy nghĩ và tự làm các phần còn lại, sau đó gọi học sinh tiếp nối đọc câu của mình.  - Nhận xét bài làm của HS  - GV chốt lời giải đúng.  ***Bài 4:***  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  - Hướng dẫn:  a) Muốn điền đúng các em cần nhớ lại câu ca dao nói về công cha, nghĩa mẹ đã học ở tuần 4.  b) Em hãy hình dung đến những lúc phải đi trên đường đất vào trời mưa và tìm trong thực tế các chất có thể làm trơn mà em đã gặp (dầu nhớt, mỡ…) để viết tiếp câu so sánh cho phù hợp.  c) Em có thể dựa vào hình ảnh so sánh mà bạn Páo đã nói trong bài tập đọc: Nhà bố ở.  - Yêu cầu HS đọc câu văn của mình sau khi đã điền từ ngữ. Nhận xét bài của HS.  - GV soát bài của học sinh và nhận xét.  **3. Củng cố, dặn dò**  - HS nêu lại các dân tộc thiểu số ở nước ta?  - Viết 2 câu có hình ảnh so sánh vào bảng?  - So sánh để làm gì?  - GV liên hệ, giáo dục học sinh tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc.  - GV nhận xét tiết học. | - 1 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp viết các từ chỉ đặc điểm vào bảng con  HS viết câu vào bảng con  - HS kể tên bài tập đọc:  Hũ bạc của người cha  Nhà rông ở Tây Nguyên  Nhà bố ở  … dân tộc Chăm  HS nêu lại tên bài  - Kể tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta mà em biết  - Là các dân tộc ít người  - Người dân tộc thiểu số thường sống ở các vùng cao, vùng núi.  - Làm việc theo nhóm, sau đó các nhóm dán bài làm của mình lên bảng. Cả lớp cùng GV kiểm tra phần làm bài của các nhóm. Cả lớp đồng thanh đọc tên các dân tộc thiểu số ở nước ta mà lớp vừa tìm được.  - HS nghe  - HS quan sát bản đồ  - HS theo dõi  - 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK  - 1 HS lên bảng điền từ, cả lớp làm bài vào vở  - 1 HS gắn thẻ đã chuẩn bị lên bảng phụ  - Chữa bài theo đáp án:  a) *bậc thang*  b) *nhà rông*  c) *nhà sàn*  d) *Chăm*  - Cả lớp đọc đồng thanh  - HS trả lời  - Nghe giảng  - HS quan sát tranh ruộng bậc thang  - HS quan sát tranh nhà rông, nhà sàn.  HS nghe  HS nêu  - Quan sát hình minh họa  - 1 HS đọc trước lớp  - Quan sát hình và trả lời: vẽ mặt trăng và quả bóng.  Mặt trăng và quả bóng đều rất tròn.  Trăng tròn như quả bóng.  HS làm bài vào phiếu học tập  + *Bé xinh như hoa./Bé đẹp như hoa./Bé cười tươi như hoa./Bé tươi như hoa.*  *+ Đèn sáng như sao/ Trăng sáng như đèn điện.*  *+ Đất nước ta cong cong hình chữ S.*  - Nghe GV hướng dẫn, sau đó tự làm bài vào vở.  a) Công cha nghĩa mẹ được so sánh với *núi Thái Sơn, Nước trong nguồn*  b) Trời mưa, đường đất sét trơn như *bôi mỡ (như được thoa một lớp dầu nhờn)*  c) Ở thành phố có nhiều tòa nhà cao như *núi*  - 3 HS nêu  - 1 HS trả lời   * HS nêu * HS viết câu |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Sách giáo khoa Tiếng Việt 3

2. Sách giáo viên Tiếng Việt 3

3. Thiết kế bài giảng Tiếng Việt

4. Tiếng Việt nâng cao 3

5. Vở luyện Tiếng Việt 3

6. Sách tham khảo dạy phân môn Luyện từ và câu 3

7. Thế giới trong ta.

8. 35 đề ôn luyện Tiếng Việt 3

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Trang** |
|  | **Thông tin chung về sáng kiến** |  |
|  | **Tóm tắt nội dung cơ bản của sáng kiến** |  |
|  | **Tóm tắt sáng kiến** |  |
| 1. | Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến |  |
| 2. | Điều kiện, thời gian áp dụng sáng kiến |  |
| 3. | Nội dung sáng kiến |  |
| 4. | Giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến |  |
| 5. | Đề xuất, kiến nghị để thực hiện áp dụng |  |
|  | **Mô tả sáng kiến** |  |
| **1.** | **Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến** | 1 |
| 1.1. | Đặt vấn đề | 1 |
| 1.2. | Lí do lựa chọn | 2 |
| 1.3. | Mục tiêu nghiên cứu | 3 |
| 1.4. | Phạm vi và đối tượng nghiên cứu | 3 |
| 1.5 | Phương pháp nghiên cứu | 3 |
| 1.6 | Những điểm mới cơ bản của sáng kiến | 3 |
| **2.** | **Cơ sở khoa học, lí luận của sáng kiến** | 4 |
| 2.1 | Cơ sở Tiếng Việt | 4 |
| 2.2 | Cơ sở tâm lí học | 4 |
| 2.3 | Cơ sở phương pháp dạy học | 5 |
| **3.** | **Thực trạng của vấn đề** | 5 |
| 3.1 | Ưu điểm | 5 |
| 3.2 | Hạn chế | 5 |
| 3.3 | Kết quả khảo sát thực tế | 7 |
| **4.** | **Các giải pháp, biện pháp thực hiện** | 8 |
| 4.1 | Biện pháp 1: Hướng dẫn học sinh nhận biết về so sánh | 8 |
| 4.2 | Biện pháp 2: Hướng dẫn học sinh nắm được các kiểu so sánh | 10 |
| 4.3 | Biện pháp 3: Hướng dẫn học sinh nhận diện cách so sánh | 15 |
| 4.4 | Biện pháp 4: Hướng dẫn học sinh nhận biết tác dụng của so sánh | 18 |
| 4.5 | Biện pháp 5: Hướng dẫn học sinh vận dụng thực hành | 18 |
| **5.** | **Kết quả đạt được** | 22 |
| 5.1 | Kết quả về chất lượng thu được | 22 |
| 5.2 | Kết quả về tình cảm với bộ môn | 23 |
| 5.3 | Kết quả năng lực học tập của học sinh | 23 |
| 5.4 | Điểm mới, sáng tạo của sáng kiến | 23 |
| **6.** | **Điều kiện để sáng kiến nhân rộng** | 24 |
|  | **Kết luận và khuyến nghị** | 25 |
| 1. | Kết luận | 25 |
| 2. | Khuyến nghị | 25 |
|  | **Bài soạn minh họa** | 27 |
|  | **Tài liệu tham khảo** | 32 |